TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN
TẠP CHÍ KHOA HỌC
ĐẠI HỌC SÀI GÒN
ISSN 1859 - 3208
Số 88, Tập 02 /2023

SAIGON UNIVERSITY
SCIENTIFIC JOURNALOF
SAIGONUNIVERSITY
No. 88, Vol. 02 /2023

Email: tcdhsg@sgu.edu.vn ; Website: http://sj.sgu.edu.vn/

CHÍNH SÁCH QUỐC PHÒNG TRÊN VÙNG BIÊN GIỚI TÂY NAM BỘ DƯỚI TRIỀU GIA LONG (1802-1820)

The Gia Long dynasty's defense policy on the Southwestern border region (1802-1820)

Dương Thế Hiền
Trường Đại học An Giang, ĐHQG TP.HCM

TÓM TẮT

Sau khi thành lập vương triều Nguyễn (1802), vua Gia Long đã bắt tay vào xây dựng, phát triển và bảo vệ đất nước. Vấn đề quốc phòng trên vùng biên giới Tây Nam Bộ được vua Gia Long rất quan tâm bởi đây là địa bàn mang tính địa chiến lược, mọi sự biến động nơi đây đều tác động to lớn đến an nguy phương Nam của đất nước. Chính vì thế, triều Gia Long đã hoạch định và thực thi chính sách quốc phòng trên vùng biên giới quan trọng này nhằm phát huy mọi nguồn lực để phục vụ công cuộc phòng thủ, bảo vệ Tổ quốc. Bài viết này tập trung làm rõ chính sách quốc phòng trên vùng biên giới Tây Nam Bộ dưới triều Gia Long nhằm kiến tạo không gian hòa bình, ổn định trên vùng biên giới cũng như bảo vệ vững chắc sự toàn vẹn lãnh thổ phương Nam trong giai đoạn 1802-1820.

Từ khóa: *chính sách, quốc phòng, triều Gia Long, biên giới, Tây Nam Bộ.*

ABSTRACT

After the establishment of the Nguyen Dynasty (1802), king Gia Long set about building, developing, and defending it. The defense issue on the Southwestern border area was very important to Gia Long because this was a geo-strategic area, and any changes here have a significant impact on the security of the country's South. As a result, the Gia Long dynasty planned and implemented a defense policy on this critical border area in order to promote all resources to serve the Fatherland's defense. This article focuses on clarifying Gia Long dynasty's defense policy on the Southwestern border region in order to create a peaceful and stable space on the border area while also firmly protecting the territorial integrity of the South from 1802 to 1820.

Keywords: *policy, defense, Gia Long dynasty, border, Southwestern.*

Đặt vấn đề

Dưới triều Nguyễn, vùng đất Nam Bộ luôn giữ vai trò đặc biệt quan trọng trong chính sách quốc phòng bảo vệ biên cương phương Nam của đất nước. Trong đó, khu vực biên giới Tây Nam Bộ được triều Nguyễn đặc biệt quan tâm bởi vì đây là vùng đất mới lại có vị trí địa chiến lược tiếp giáp với Chân Lạp nên công cuộc phòng thủ được đặt lên hàng đầu. Dựa trên những điều kiện cụ thể của vùng đất Nam Bộ, vua Gia Long đã từng bước có sự nhận thức một cách rõ ràng, nhất quán nhằm tiến đến việc hoạch định và thực thi chính sách quốc phòng trên vùng biên giới Tây Nam Bộ. Bằng nhãn quan chiến lược, vua Gia Long

Tác giả liên hệ: dthehien@agu.edu.vn

đã khởi sự cho chính sách quốc phòng của triều Nguyễn trên vùng biên giới trọng yếu này với triết lý của đạo "trị quốc, bình thiên hạ" khi dụ rằng: "trẫm cùng tướng sĩ các ngươi đã trăm trận đánh vất vả mới có ngày nay. Lúc yên đừng quên lúc nguy, đó thực là đạo giữ nước yên dân" (QSQTN, 2007a, tr.811). Do đó, vua Gia Long đã hướng đến việc xây dựng, củng cố và phát huy các nguồn lực cho công cuộc quốc phòng trên vùng biên giới Tây Nam Bộ như một yếu tố nền tảng của phép giữ nước. Trong đó, việc giữ cho "quốc thái dân an" được vua Gia Long đặt trong mối quan hệ cộng sinh mật thiết không thể tách rời với công cuộc quốc phòng đất nước. Muốn thực hiện được sự nghiệp đó, vua Gia Long đã tiến hành phát triển kinh tế, giao thông, ổn định chính trị - xã hội, xây dựng và củng cố lực lượng quốc phòng trên vùng biên giới Tây Nam Bộ nhằm hướng đến một nền quốc phòng vững mạnh trong giai đoạn 1802-1820.

1. Quan điểm, nhận thức của triều Gia Long về vùng biên giới Tây Nam Bộ

Dưới triều Gia Long, vùng biên giới Tây Nam Bộ giữ vị trí chiến lược về mặt quốc phòng tương ứng với lãnh thổ thuộc các trấn Gia Định, Định Tường, Vĩnh Thanh và Hà Tiên, trong đó bao gồm cả vùng biển Tây Nam tiếp giáp lãnh hải với Chân Lạp và Siam. Với vị trí địa lý án ngữ đường biên giới dài trên mặt Tây Nam Bộ của đất nước, các trấn này giữ vai trò chiến lược quan trọng trong chính sách quốc phòng phương Nam của triều Nguyễn.

Trong khoảng hai mươi năm đầu của thế kỉ XIX, khi vùng đất Nam Bộ bước vào giai đoạn đẩy mạnh khai hoang mở đất, vùng biên giới Tây Nam Bộ đã giữ vai trò địa chiến lược đặc biệt với vị trí tiền tiêu ngăn chặn các thế lực ngoại bang đưa quân xâm lược. Vùng lãnh thổ này vốn được khai phá muộn, đất đai hoang hóa nhiều nhưng dân cư thưa thớt, lại là nơi thường xuyên xảy ra tình hình bất ổn về chính trị, ngoại giao và quân sự giữa Việt Nam với các nước láng giềng Chân Lạp, Siam dưới triều Gia Long.

Từ khi dấy binh trung hưng họ Nguyễn đến khi lập nên cơ đồ, khai sinh triều Nguyễn (1802), vua Gia Long luôn xem Gia Định thành là vùng đất rất quan trọng. Trong đó, vùng biên giới Tây Nam Bộ luôn được vua Gia Long xác định là một nơi "trọng yếu biên thùy", là "đất trung hưng", "đất dấy nghiệp", "đất căn bản" trong buổi đầu dựng nghiệp của triều Nguyễn nên có ý nghĩa và vai trò rất quan trọng về mặt chiến lược. Vua Gia Long từng xác nhận rằng đất Gia Định (Nam Bộ) chẳng những là nơi yếu địa mà còn rất trù phú vì "từ khi dấy quân tới nay, binh lương đều lấy ở đấy…" hay "Gia Định đất đai màu mỡ, các thánh mở mang chưa đến trăm năm mà binh mạnh, của giàu…" (QSQTN, 2007a, tr.537, 559, 946).

Vua Gia Long khi ban chiếu dụ về Nam Bộ đều luôn nhắc đến cũng như nhấn mạnh vai trò các vùng đất thuộc biên giới Tây Nam Bộ như Châu Đốc, Hà Tiên, Trấn Định (Định Tường), Vĩnh Thanh, Gia Định… đối với công cuộc phòng thủ phương Nam của đất nước.

Để thấy rõ và am tường địa lý, lãnh thổ của đất nước, nhất là vùng biên giới Tây Nam Bộ, ngay từ khi triều Nguyễn vừa thành lập, vua Gia Long đã sai Thượng thư Binh bộ Lê Quang Định kê cứu sách vở, bản đồ cả nước, các thành, dinh, trấn, đạo từ Lạng Sơn đến Hà Tiên, "phàm sông núi hiểm hay dễ, đường đi xa hay gần, giới hạn bờ cõi thế nào, sông biển nguồn lạch, cho đến cầu cống chợ điếm, phong tục thổ sản, hết thảy ghi chép lấy" (QSQTN, 2007a, tr.684) để làm căn cứ hoạch định chính sách quốc gia, trong đó, chính sách quốc phòng được đặt lên hàng đầu.

Dựa trên những đặc điểm thiên tạo đặc biệt về tự nhiên, cư dân cũng như đặc điểm kinh tế - xã hội của Gia Định thành, vua Gia Long đã từng bước nhận thức rõ vai trò quan trọng của các vị trí yếu địa chiến lược thuộc biên giới Tây Nam Bộ đối với vấn đề chủ quyền quốc gia và sự toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc.

Với tầm nhìn của bậc quân vương mở nước, từ rất sớm, vua Gia Long đã nhận thấy rằng: "địa thế Gia Định rộng lớn" nên "sai đình thần bàn kỹ việc kinh lý để giữ gìn bờ cõi cho vững mạnh" (QSQTN, 2007a, tr.916). Đồng thời, vua Gia Long cũng cho rằng: "Châu Đốc, Hà Tiên bờ cõi không kém Bắc Thành" (QSQTN, 2007a, tr.946). Mặc khác, theo vua Gia Long, "Hà Tiên ở về biên giới phía Đông, có quan hệ tin tức với việc động tĩnh ở biên khổn" (QSQTN, 2007a, tr. 804) nên "Hà Tiên là nơi trọng yếu ngoài biên" (QSQTN, 2007a, tr.821). Hay năm 1819, trong chiếu dụ cho dân Vĩnh Thanh, vua Gia Long có viết: "Trấn các ngươi ở nơi biên giới, làm phên giậu cho nước. Khi quân mới dấy, thật là nơi chịu chiến tranh" (QSQTN, 2007a, tr.985).

Bên cạnh đó, việc tiếp giáp lãnh thổ và lãnh hải với Chân Lạp và Siam càng khẳng định tầm quan trọng của vùng biên giới Tây Nam Bộ trong chính sách quốc phòng, đối ngoại của triều Gia Long. Với vai trò "là trọng địa ở cõi Nam" (QSQTN, 2007a, tr.882), vùng biên giới này được triều Gia Long chú trọng tăng cường hệ thống phòng thủ vừa chống giặc ngoại xâm vừa là bàn đạp vươn ra khống chế Chân Lạp nhằm tạo thế cân bằng chiến lược với Siam. Vua Gia Long đã từng khẳng định: "Gia Định cùng Nam Vang tiếp giáp nhau, không thể không dự bị đề phòng" (QSQTN, 2007a, tr.798).

Xuất phát từ sự nhận thức về vị trí, vai trò và ý nghĩa chiến lược của vùng biên giới Tây Nam Bộ trong quan hệ với Chân Lạp, Siam, trực tiếp kế thừa các thành quả khai phá đất đai và xác lập chủ quyền của các chúa Nguyễn trong thế kỷ XVIII, vua Gia Long đã ra sức hoạch định một chính sách quốc phòng toàn diện hướng đến phục vụ công cuộc xây dựng, khẳng định chủ quyền, bảo vệ toàn vẹn vùng biên giới Tây Nam Bộ.

2. Chính sách quốc phòng của vua Gia Long trên vùng biên giới Tây Nam Bộ

Ngay từ sau năm 1802, trước yêu cầu quản lý, phòng thủ và bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ quốc gia trên vùng biên giới trọng yếu Tây Nam Bộ, vua Gia Long đặc biệt quan tâm đến việc khai hoang mở đất, điều binh, chia đồn bảo để giữ gìn bờ cõi, mong muốn xây dựng nơi này mạnh cả về chính trị, quân sự và kinh tế nhằm đảm bảo các nguồn lực cho công cuộc quốc phòng. Chính sách quốc phòng trên vùng biên giới Tây Nam Bộ của vua Gia Long được xây dựng và tiến hành trên nhiều phương diện từ hành chính, kinh tế đến quân sự nhằm phát huy tất cả các nguồn lực cho công cuộc "giữ nước và an dân".

Về tổ chức hành chính

Ngay từ khi làm chủ được đất Gia Định, việc quy hoạch và quản lý các vùng biên giới như Tây Nam Bộ đã đặt ra nhiều thách thức đối với Nguyễn Ánh. Để đảm bảo một nền hành chính ổn định hỗ trợ đắc lực việc phòng thủ biên giới phía Tây Nam Bộ, năm 1802, trước khi Bắc phạt, Nguyễn Ánh đã ra dụ đổi phủ Gia Định thành trấn Gia Định với 5 doanh trấn. Đứng đầu trấn Gia Định là Lưu trấn (QSQTN, 2007a, tr.487, 488). Vùng biên giới Tây Nam Bộ bấy giờ nội thuộc 4 trấn là Trấn Định, Vĩnh Trấn, Hà Tiên trấn và một phần phía Nam của Phiên Trấn, đứng đầu là Lưu thủ (Trấn thủ), giúp việc có Cai bạ, Ký lục (Võ Kim Cương, 2017, tr.96).

Sau khi đất nước bước đầu đi vào ổn định, triều Nguyễn đã tính đến việc thay đổi nền hành chính Gia Định để phù hợp với thực tế. Năm 1803, Lưu trấn thần Gia Định là Nguyễn Văn Nhân tấu rằng: "Trị nước thì gốc ở nhân tài, hành chính thì trước lấy giáo hóa… Vua khen rất phải." (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007a, tr.574). Thêm vào đó, đến năm 1808, vua Gia Long đã nhận thấy rằng: "địa thế Gia Định rộng lớn" nên "sai đình thần bàn kỹ việc kinh lý để giữ gìn bờ cõi cho vững mạnh" (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007a, tr.916). Do đó, vua Gia Long quyết định thay đổi việc tổ chức hành chính của trấn Gia Định nhằm phục vụ cho công tác quốc phòng, ổn định dân cư và phát triển vùng đất mới. Dựa vào thực tiễn lúc bấy giờ, vua Gia Long đã tiến hành giải pháp "quyền nghi tạm đặt" với khu vực Gia Định khi tổ chức lại trấn Gia Định thành các đơn vị là thành, trấn, phủ - huyện, tổng, xã - thôn - ấp. Theo đó, vua Gia Long bố trí vùng biên giới Tây Nam Bộ thuộc Gia Định thành phân bố trên địa bàn 4 trấn: Phiên An, Vĩnh Thanh, Định Tường và Hà Tiên (QSQTN, 2007a, tr.716).

Để vận hành bộ máy hành chính này, nhà Nguyễn tiến hành tổ chức bộ máy quan lại quản lý. Vua Gia Long chủ trương sử dụng các quan Trấn thủ xuất thân là võ quan và chịu ảnh hưởng lớn bởi các Tổng trấn để thuận lợi cho việc chỉ huy phòng thủ vùng biên cương quan yếu phía Tây Nam Bộ. Người đứng đầu Gia Định thành là quan Tổng trấn. Người đứng đầu mỗi trấn là Trấn thủ (QSQTN, 2007a, tr.803). Quá trình thiết lập hệ thống hành chính và tổ chức quản lý xã hội của vua Gia Long trong giai đoạn này đã góp phần quan trọng cho công cuộc an dân nhằm tạo nền tảng căn bản cho công cuộc giữ nước trên vùng biên giới nhiều biến động Tây Nam Bộ.

Về phát triển kinh tế nông nghiệp

Song song với việc tổ chức hành chính, nhằm tăng cường tiềm lực kinh tế cho công cuộc quốc phòng, vua Gia Long đã cho đẩy mạnh chính sách phát triển kinh tế nông nghiệp nhằm đảm bảo vấn đề an ninh lương thực, nguồn thu thuế khóa và thực hiện triệt để chủ trương "dĩ nông vi bản". Trong đó, vua Gia Long xem việc chiêu mộ, khuyến khích nhân dân đến khai khẩn đất hoang, mở rộng sản xuất, thành lập thôn làng, đồn điền là nhân tố cốt lõi của quá trình phát triển kinh tế vùng biên giới quan trọng này. Bởi lẽ, đây là vùng đất mới còn nhiều hoang hóa, dân cư thưa thớt, thực lực kinh tế nghèo nàn. Muốn giữ được đất, an được dân chúng thì nhà Nguyễn không có cách nào khả dĩ hơn là phải tiếp tục tiến hành đưa dân, binh đi khai điền, trảm thảo, từng bước xây dựng xóm làng, thôn ấp đông đúc nhằm biến vùng đất hoang vu thành ruộng đồng trù phú, kiến dựng nên một bộ mặt kinh tế hưng khởi đủ sức cung cấp nhân lực, vật lực, tài lực cho công cuộc phòng thủ trên vùng biên giới Tây Nam Bộ.

Với sự kỳ vọng lớn nhất là ổn định tình hình chung trên vùng đất mới và xác lập quyền quản lý thống nhất để tăng cường nguồn lực quốc phòng, Gia Long đã huy động triệt để mọi tầng lớp nhân dân tham gia, giúp đỡ về tiền bạc cũng như phương tiện sản xuất cho những người đi khai khẩn (Nội các triều Nguyễn, 1993, tr.154). Bên cạnh đó, vua Gia Long cũng áp dụng nhiều hình thức khai hoang, không phân biệt bất kỳ một đối tượng lao động nào (Nguyễn Quang Ngọc, 2017, tr.275) và có những ưu đãi hay khuyến khích cụ thể (Vũ Huy Phúc, 1979, tr.136) để họ được tham gia đi khẩn hoang trên vùng biên giới Tây Nam Bộ. Điều này đã tạo ra một xung lực mạnh mẽ cho quá trình phát triển kinh tế nông nghiệp trên vùng biên giới này.

Về phát triển hệ thống giao thông

Nhằm mở rộng và phát triển sản xuất nông nghiệp, thương mại và đặc biệt là giao thông phục vụ quốc phòng, vua Gia Long còn cho tiến hành đẩy mạnh công cuộc đào mới, nạo vét sông ngòi, kênh rạch với các công trình tiêu biểu như kênh Thoại Hà, kênh Vĩnh Tế, kênh Bảo Định. Những công trình này đã góp phần quan trọng trong việc kết nối với các tuyến thủy lộ tự nhiên, tạo ra một sự thông suốt về giao thông trên toàn hạt Gia Định. Tất cả đã tạo ra các giá trị to lớn trong phát triển sản xuất và quốc phòng trên vùng biên giới này.

Bên cạnh việc phát triển giao thông đường thủy, vua Gia Long cũng tăng cường phát triển, mở rộng các tuyến giao thông đường bộ trên vùng biên giới Tây Nam Bộ. Vua Gia Long từng ra sắc dụ rằng: "Gia Định giáp giới Chân Lạp, đường giao thông bốn bề năm ngã, ngươi nên bày tỏ với thành thần sửa sang đường sá, cho mạnh sự phòng thủ ngoài biên" (QSQTN, 2007a, tr.931, 935). Trên chủ trương đó, vua Gia Long đã thiết lập tuyến đường Thiên lý từ Gia Định qua các trấn đến Hà Tiên (Nguyễn Đức Nhuệ, 2020, tr.263). Bên cạnh đó, nhiều tuyến đường bộ, đê lộ kết nối nội trấn, liên trấn cũng như với Chân Lạp đã được Gia Long tiến hành xây dựng, mở rộng (Lê Quang Định, 2005); (QSQTN, 2007a) để phục vụ công cuộc phát triển vùng đất mới và quân sự, quốc phòng.

Sự nghiệp khai hoang, lập thôn làng, lập đồn điền, lập ấp, khai kênh dẫn thủy, mở lộ, đắp đường là một bộ phận quan trọng trong bức tranh tổng thể phát triển vùng đất Nam Bộ cũng như có vai trò và ý nghĩa to lớn trong công cuộc quốc phòng và xác lập chủ quyền của nhà nước trên vùng biên giới Tây Nam Bộ dưới triều Gia Long.

Về tổ chức, xây dựng và phát triển lượng quân sự, quốc phòng

Bên cạnh việc tăng cường các nguồn nội lực trên, vua Gia Long còn từng bước đẩy mạnh công cuộc tổ chức, xây dựng và phát triển lực lượng quân sự quốc phòng cho công cuộc phòng thủ biên giới Tây Nam Bộ. Vấn đề này được vua Gia Long tiến hành một cách đồng bộ về các mặt tổ chức quân đội, quan chế, nhân sự và binh trượng cho quân đội cũng như tổ chức hệ thống các cơ sở phòng thủ trọng yếu trên vùng biên giới này.

Vua Gia Long đã chủ trương xây dựng lực lượng quốc phòng trên vùng biên giới Tây Nam Bộ căn bản dựa trên yếu tố lấy con người làm trung tâm với lực lượng chính yếu là quân đội. Trong chiếu chỉ ban hành vào năm 1806, vua Gia Long từng chiếu rằng: "Giữ nước, giữ dân không thể không có quân lính. Trị binh có chế độ thì dân mới thường yên, nước mới thường trị." (QSQTN, 2007a, tr.651). Trong tờ dụ năm 1802, vua Gia Long đã đề ra chủ trương rất cụ thể về việc quân cơ như sau: "Giữ nước không thể không có quân. Người xưa đặt phủ vệ để lính ở trong nghề nông, cốt để giữ dân. Ta nay kính theo mệnh trời lấy lại nước cũ, tìm học người xưa, về việc quân dân rất là chú ý. Mới rồi hạ lệnh cho đình thần bàn bạc, chiếu theo sổ thường hành năm Giáp Dần, cứ 7 đinh lấy 1, chia lập các chi, hiệu đội của các quân, cứ những nơi gần mà thay nhau đóng giữ, ấy là để cho quen thủy thổ mà giữ lấy làng nhà của mình." (QSQTN, 2007a, tr.522).

Đến năm 1816, vua Gia Long lại nhắc nhở các quan tướng rằng: "Binh là việc lớn của nước, không binh thì lấy gì giữ nước" (QSQTN, 2007a, tr.916).

Đây chính là cơ sở cho chính sách về quân đội của triều Nguyễn trong việc tổ chức tuyển lính, phân chia các chi, quân

hiệu, bố trí lực lượng đóng giữ ở các địa phương nơi đây trên tinh thần sử dụng nguồn nhân lực tại chỗ là chính nhằm khai thác các lợi thế về "nhân và địa". Vua Gia Long chủ yếu sử dụng quân đội thời Trung hưng để trấn giữ biên giới Tây Nam Bộ với những danh tướng chỉ huy như Lê Văn Duyệt, Nguyễn Văn Nhân, Trương Tấn Bửu, Nguyễn Văn Trương, Nguyễn Hoàng Đức, Trần Văn Năng, Nguyễn Văn Thoại, Nguyễn Văn Tồn, v.v.

Năm 1803, vua Gia Long cho tuyển mộ quân lính rộng lớn trên toàn hạt Gia Định tùy theo tình hình thực tế mà phân bổ, điều động đến các địa điểm quan yếu để trấn giữ. Quân lính trên vùng biên giới Tây Nam Bộ được Gia Long chủ trương tuyển chọn hoặc chiêu mộ trên địa bàn các địa phương thuộc Gia Định thành nhằm khai thác đặc tính quen thủy thổ và thông thuộc địa hình của binh lính nơi đây. Trong việc tuyển binh lính, vua Gia Long vẫn tin tưởng sử dụng binh lính từ thời Trung hưng dưới hình thức "hương binh" cùng với việc tuyển binh lính mới chủ yếu từ dân đinh nội tịch (QSQTN, 2007a, tr.793, 798).

Đối với công tác tổ chức quân chế, nhân sự cho quân đội, Gia Long rất chú trọng đến việc thi cử, tuyển chọn, bổ dụng quan tướng và sắp xếp chức danh, vị trí công việc theo năng lực, kinh nghiệm và không có sự thiên vị nhằm tránh làm tổn hại đến công cuộc quốc phòng biên giới Tây Nam Bộ.

Bên cạnh việc tuyển mộ quân lính, vua Gia Long rất chú trọng trang bị binh trượng tốt nhất cho quân đội trên vùng biên giới Tây Nam Bộ. Dựa vào quân hiệu ở các địa phương mà vua Gia Long chia cấp các loại binh trượng khác nhau. Công việc phân cấp vũ khí cho các địa phương biên giới Tây Nam Bộ được vua Gia Long giao cho một viên quan "chuyên khổn đại thần" phụ trách (QSQTN, 2007b, tr.820). Gia Long chủ trương chứa binh khí ở thành Gia Định để kịp thời cung cấp, phân bổ cho quân đội trên vùng biên giới Tây Nam Bộ để phục vụ kịp thời cho công cuộc phòng thủ đất nước (QSQTN, 2007a, tr.808). Binh trượng chủ yếu là thuyền chiến, súng thần công các loại, súng thạch cơ điểu sang, kỳ đao, đoản thương, phi đao sắt, giáo cạnh, mộc côn, đao dài mũi, chiêng, trống lớn, trống nhỏ, v.v.

Dựa trên điều kiện tự nhiên sông nước Tây Nam Bộ, Gia Long chú ý tăng cường phương tiện thủy binh cho các quân thứ nơi đây. Năm 1807, vua Gia Long sai cấp thuyền ô sai cho Gia Định 33 chiếc (QSQTN, 2007a, tr.706) để phân bổ về các trấn. Năm 1808, vua Gia Long lại sai Lưu trấn thần Gia Định chia cấp sai thuyền cho bốn dinh, mỗi dinh 10 chiếc (QSQTN, 2007a, tr.714). Tiếp đó, lại sai Tham tri Công bộ Nguyễn Đức Huyên, Vệ úy Phấn dực Phạm Văn Tường theo Tống Phước Lương đi Gia Định, coi việc chế tạo 60 chiếc thuyền ô và thuyền lê (QSQTN, 2007a, tr.740) để dùng vào việc binh.

Song song với việc xây dựng một lực lượng quân đội mạnh có đầy đủ các loại vũ khí và phương tiện chiến đấu, vua Gia Long cũng chủ trương xây dựng và từng bước điều chỉnh thiện hệ thống các cơ sở quốc phòng trên tuyến biên giới Tây Nam Bộ để ngăn giặc, giữ dân, bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ nước nhà cũng như phục vụ công cuộc bảo hộ Chân Lạp.

Trải dọc theo biên giới Tây Nam Bộ, Gia Long cho thiết lập hệ thống đồn, bảo, tấn, thủ phục vụ công tác quốc phòng. Từ phía Nam của trấn Phiên An đến hết trấn Định Tường, vua Gia Long cho thiết lập các cơ sở thành phủ Kiến Tường, bảo Trấn Nguyên, bảo Tuyên Uy, bảo Thông Bình, bảo Hùng Ngự, và bảo Du Hùng (QSQTN,

2006, tr.125, 126) để kiểm soát mặt đường bộ và thủy khu vực giáp giới Chân Lạp.

Trong thế trận phòng thủ biên giới Tây Nam Bộ, Gia Long chủ tâm thiết đặt khu vực biên giới trấn Vĩnh Thanh và Hà Tiên làm địa bàn chiến lược và là trung tâm của hệ thống phòng thủ. Các cơ sở phòng thủ nơi đây được kiến dựng chạy dọc biên giới và lùi sâu vào nội địa để tạo ra một hệ thống nhiều tầng, nhiều lớp phòng thủ trước các cuộc tấn công của quân xâm lược.

Trên mặt sông Tiền, Gia Long tiếp tục trưng dụng lại thế phòng thủ "Tam đạo" thời chúa Nguyễn (QSQTN, 2007a, tr.312) với 3 cơ sở phòng thủ là thủ Tân Châu (trên cù lao Giêng ở giữa sông Tiền), thủ Chiến Sai (ở tả ngạn sông Tiền) và thủ Hùng Đạo (sau đổi tên Hùng Ngự) ở hữu ngạn sông Tiền (tại Vàm rạch Đốc Vàng, thuộc tỉnh Đồng Tháp ngày nay). Vào đầu thời Gia Long, vị trí Tam đạo vẫn được giữ nguyên và có vai trò quan trọng trong cách bố trí phòng thủ của triều Nguyễn (Lê Quang Định, 2005, tr.104).

Đến năm 1818, trong Tam đạo được dời đổi vị trí cho phù hợp với thế trận phòng thủ theo hướng tiến sát biên giới. Theo đó, vua Gia Long cho dời đạo Tân Châu đến vùng Long Sơn (thuộc cù lao Cái Vừng), dời đạo Chiến Sai đến trên miệng cửa sông Hiệp Ân (rạch Hồng Ngự ngày nay), dời đạo Hùng Ngự đến miệng dưới sông Hiệp Ân. Quy chế đồn Chiến Sai cũng phỏng theo thể thức đồn này, duy đồn Hùng Ngự ở lui phía sau chỉ để làm nơi tuần tra, chưa xây đồn bảo (Trịnh Hoài Đức, 2006, tr.219). Đến năm 1819, hai đồn bảo Tân Châu và Chiến Sai đắp xong (QSQTN, 2007a, tr.981), riêng đồn bảo Hùng Ngự thì chưa thấy tài liệu nào nói được đắp lúc này. Cả ba đồn bảo mới lại được xây dựng tại khu vực biên giới là bảo Tân Châu, bảo Hùng Ngự và bảo Chiến Sai nhằm bảo vệ khu vực sông Tiền tại vùng địa đầu biên giới Tân Châu (An Giang) và cuối địa giới Định Tường. Phía sau Tam đạo, triều Gia Long cho củng cố thủ đạo Đông Khẩu (Sa Đéc) có từ thời chúa Nguyễn (QSQTN, 2007a, tr.166). Thủ đạo Đông Khẩu trở thành căn cứ hậu ứng quan trọng phía sau Tam đạo.

Trên tuyến sông Hậu, từ những căn cứ quân sự của thời kì trước, Gia Long đã hoạch định lại những vị trí bố phòng then chốt bên cạnh việc mở rộng và tăng cường các cơ sở quốc phòng trải dài từ biên giới xuống phía Nam. Tuyến phòng thủ này được được bố trí với một loạt các cơ sở rất quan trọng bao gồm: đồn Đa Phúc, đồn Châu Đốc, đồn Châu Giang, bảo Châu Giang, đồn Chu Phú, thủ Thuận Phiếm, thủ Đông Xuyên kéo dài xuống tới thủ Trấn Giang, thủ Trấn Di và Trấn Mỹ Thanh.

Trong tuyến phòng thủ này, vua Gia Long đặc biệt kiến dựng Châu Đốc trở thành một trung tâm phòng thủ và chỉ huy quan trọng với đồn Châu Đốc làm căn cứ. Đồn Châu Đốc được hoàn thành năm 1816 do Trấn thủ Vĩnh Thanh Lưu Phước Tường chỉ huy xây dựng với tổng số lượng dân binh lên đến khoảng 7.000 người (QSQTN, 2007a, tr.917-941). Trong đồn có nhà quân và kho chứa (QSQTN, 2006, tr.216). Đồn Châu Đốc được triều Nguyễn xác định "là một nơi biên phòng trọng yếu" (QSQTN, 2006, tr.216) nên vua Gia Long cho chở 40 cỗ súng gang và thuốc đạn chia đặt để phòng giữ nghiêm ngặt. Đây được xem là cơ sở quốc phòng quy mô nhất trên tuyến biên giới Tây Nam Bộ trước khi thành tỉnh An Giang ra đời dưới triều Nguyễn.

Vì lý do an ninh và biên phòng, năm 1817, Trấn thủ Vĩnh Thanh được vua Gia Long dụ cho đóng ở đồn Châu Đốc, chứ không phải tại trấn lỵ Vĩnh Thanh (thành

phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long ngày nay), để kịp thời giải quyết các công việc ở vùng biên giới. Mặt khác, cũng do nằm ở vị trí xung yếu, quan Trấn thủ Vĩnh Thanh ngoài việc đóng giữ ở đồn Châu Đốc còn phải lãnh chức "Bảo hộ quốc ấn nước Chân Lạp" và kiêm quản công việc "biên vụ" của Hà Tiên.

Cùng với Châu Đốc, Hà Tiên được vua Gia Long xác định là lá chắn tiền tiêu mặt ngoài cho toàn hạt Gia Định. Do đó, việc củng cố và thiết lập các cơ sở quốc phòng trên vùng biên giới ở Hà Tiên trở thành một chính sách lớn của vua Gia Long. Dựa trên những nền tảng về quốc phòng dưới thời họ Mạc, chúa Nguyễn và thời kỳ chống Tây Sơn, vua Gia Long đã tiến hành củng cố và kiến dựng một hệ thống các cơ sở quốc phòng trên vùng đất Hà Tiên để biến nơi này trở thành khu vực phòng thủ chiến lược trong chính sách quốc phòng biên giới Tây Nam Bộ.

Các cơ sở quốc phòng từ thời trước như đồn trấn Hà Tiên cũ, lũy Giang Thành, đạo Kiên Giang, đạo Long Xuyên được triều Nguyễn củng cố và tái sử dụng cho mục đích phòng thủ (QSQTN, 2006, tr.28). Quan trọng nhất là ở trấn thự Hà Tiên và đạo Kiên Giang, là hai nơi xung yếu. Theo Gia Đình thành thông chí, đạo Kiên Giang là nơi quan yếu của vùng biển, hệ thống phòng thủ nơi đây tạo điều kiện cho công cuộc giữ đất và an dân. Đạo Kiên Giang được vua Gia Long bố trí quân đội đóng giữ, quan văn võ trông coi, lính đội Kiên nghị làm công sai và phòng thủ bờ biển. Đồng thời nơi đây cũng là địa điểm tiếp sứ giả Siam, Chân Lạp sang. Đạo Long Xuyên nằm phía Đông của Hà Tiên, xây dựng sát bờ biển, tăng cường canh giữ giặc biển. (Trịnh Hoài Đức, 2006, tr.200, 201)

Ngoài ra, vua Gia Long cho xây dựng và củng cố pháo đài Kim Dữ, Tô Châu, tấn Kim Dữ để phòng thủ thủy binh của giặc và kiểm soát đường bờ biển. Đảo Phú Quốc được vua Gia Long chú trọng trong việc kiểm soát vùng biển Tây Nam. Năm 1816, vua Gia Long cho lập thủ sở Phú Quốc với Cai đội Lê Văn Ý làm Thủ ngự. Đồng thời, vua Gia Long sai mộ lính để lập ra 10 đội Phú cường ở thủ sở, mỗi đội 50 người, cho mỗi đội đều làm thuyền lớn thuyền nhỏ 3 chiếc, nhà nước cấp cho khí giới, tha cho thuế thân và tạp dịch để sai đi tuần biển (QSQTN, 2007b, tr.39).

Như vậy, bằng việc chủ trương và thực thi chính sách quốc phòng một cách mạnh mẽ, vua Gia Long đã tạo ra nguồn sức mạnh tổng hợp to lớn để phát huy tối đa các nguồn lực phục vụ quốc phòng trên vùng biên giới Tây Nam Bộ. Với những bước đi quan trọng đó, vua Gia Long đã xây dựng và phát triển một nền tảng quốc phòng vững chắc, góp phần quan trọng vào sự ổn định, hòa bình trên biên giới Tây Nam Bộ trong suốt 30 năm đầu thế kỉ XIX.

Kết luận

Chính sách quốc phòng của vua Gia Long trên vùng biên giới Tây Nam Bộ là một phạm trù rộng lớn trên nhiều lĩnh vực, được tiến hành trường kỳ với các mức độ khác nhau nhằm tăng cường các nguồn lực để phục vụ công cuộc "giữ nước và an dân". Chính sách đó đã phản ánh đúng đắn và phù hợp với thực tiễn Việt Nam vào đầu thế kỉ XIX trên vùng biên giới trọng yếu này. Triều Gia Long đã từng bước xây dựng chính quyền và bộ máy hành chính phục vụ mục tiêu quản lý đất đai và con người, đưa hệ thống chính quyền thống nhất của nhà nước vươn đến tận các địa phương. Các nguồn lực kinh tế được phát huy mạnh mẽ thông qua công cuộc khai hoang, lập làng, lập đồn điền, khai mở kênh rạch, sông ngòi, đường xá, tạo nên một bộ mặt hưng khởi cho

vùng đất mới. Quan trọng hơn cả, vua Gia Long đã xây dựng và phát triển hiệu quả lực lượng quốc phòng với đội quân vững mạnh và hệ thống phòng thủ kiên cố tạo nên sức mạnh xung kích trên tuyến đầu bảo vệ đất nước ở vùng biên cương Tây Nam Bộ. Với chủ trương, chính sách quốc phòng đúng đắn của vua Gia Long đã góp phần to lớn tạo nên sự vững chắc và ổn định lâu dài đối với vùng biên giới Tây Nam Bộ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Lê Quang Định. (2005). *Hoàng Việt nhất thống dư địa chí.* Huế: Nxb Thuận Hóa.

Nguyễn Đức Nhuệ. (2020). *Lịch sử giao thông vận tải Việt Nam từ thế kỉ X đến năm 1884.* Hà Nội: Nxb Khoa học Xã hội.

Nguyễn Quang Ngọc (chủ biên). (2017). *Vùng đất Nam Bộ,* tập IV*: từ đầu thế kỉ XVII đến giữa thế kỉ XIX*. Hà Nội: Nxb Chính trị Quốc gia-Sự thật.

Nội các triều Nguyễn. Viện Sử học. (1993). *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ. Tập 4*. Huế: Nhà xuất bản Thuận Hóa.

Quốc sử quán triều Nguyễn. (2007a). *Đại Nam thực lục*, tập I. Hà Nội: Nxb Giáo dục.

Quốc sử quán triều Nguyễn. (2007b). *Đại Nam thực lục*, tập II. Hà Nội: Nxb Giáo dục.

Quốc sử quán triều Nguyễn. Viện sử học (2006). *Đại Nam nhất thống chí*, tập 5. Huế: Nxb Thuận Hóa.

Trịnh Hoài Đức. (2006). *Gia Định thành thông chí*. Đồng Nai: Nxb Tổng hợp Đồng Nai.

Võ Kim Cương (chủ biên). (2017). *Lịch sử Việt Nam*, tập 5 *(từ năm 1858 đến năm 1896).* Hà Nội: Nxb Khoa học Xã hội.

Vũ Huy Phúc. (1979). *Tìm hiểu chế độ ruộng đất Việt Nam nửa đầu thế kỉ XIX*. Hà Nội: Nxb Khoa học Xã hội.

Ngày nhận bài: 10/3/2023 Ngày chấp nhận đăng: 20/12/2023